

Bản án số: 17/2020/KDTM-ST  
Ngày: 26 - 3 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hóa

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Chính

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: B, xã C, huyện D, tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà E, trú tại: đường G, Phường H, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 03/2019/UQ-CPD ngày 20 tháng 6 năm 2019) có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông K là Luật sư của Văn phòng Luật sư Quang Thái thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**2. Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn L

Địa chỉ: đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Ô, trú tại: Ô, xã P, huyện Q, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L) vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà E đều trình bày: Giữa Công ty TNHH A (bên A) và Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (bên B) có giao kết Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018. Theo đó, Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L bán cho Công ty TNHH A 02 xe ô tô điện 08 chỗ LV TONG LT-A627.6+2 nhằm phục vụ cho dự án công viên di sản các nhà khoa học Việt Nam. Giá trị hợp đồng là 373.274.000 đồng.

Phương thức thanh toán làm 02 đợt: Đợt 1 bên A tạm ứng cho bên B số tiền 140.000.000 đồng sau khi hai bên ký hợp đồng. Đợt 2 bên A thanh toán 100% giá trị còn lại của hợp đồng cho bên B sau khi hai bên hoàn tất thủ tục bàn giao xe, hồ sơ xe. Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH A đã thanh toán cho Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L số tiền 140.000.000 đồng bằng phương thức ủy nhiệm chi vào số tài khoản 124712602 tại Ngân hàng VP Bank của Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L tại Phòng Giao dịch Cao Phong Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình vào ngày 02/4/2018.

Vào các ngày 11/5/2018 và 12/6/2018, Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có công văn gửi Công ty TNHH A đề nghị gia hạn thời gian giao hàng hạn chót lần lượt vào các ngày 30/5/2018 và 23/6/2018. Tuy nhiên, đến ngày 23/6/2018 Công ty TNHH A vẫn không nhận được hàng hóa. Công ty TNHH A đã có Văn bản số 32/2018/CV-CPD ngày 24/6/2018 đề nghị Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L giao hàng hoặc hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nhận. Tuy nhiên, đồng thời Công ty TNHH A đã nhiều lần liên hệ nhưng không nhận được hàng hóa cũng như phản hồi nào từ Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L. Do việc không giao hàng của Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản của bên bán hàng hóa theo hợp đồng kinh tế các bên đã ký kết, việc không giao hàng hóa đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty TNHH A. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hủy Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018; buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nhận là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày 23/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng, tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn trả lãi.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai, hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nhưng trong suốt quá trình tố tụng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn L vẫn vắng mặt nên không có lời khai tại Tòa án.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản của bên bán hàng theo hợp đồng các bên đã ký kết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 312 và Điều 314 Luật Thương mại năm 2005 tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A, buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có trách nhiệm trả số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát chỉ kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hủy Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018 ký giữa Công ty TNHH A và Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L, buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng đã nhận 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 23/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày xin rút yêu cầu này, không tính lãi với bị đơn, đề nghị đình chỉ yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Công ty TNHH A khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018; buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải hoàn trả tiền mua hàng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Tại Văn bản số 01602/ĐKKD-THKT ngày 26/3/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh trả lời về việc cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp thì Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có trụ sở tại địa chỉ: đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 01, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời “*Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L hiện không còn hoạt động tại địa chỉ đường M, Phường N, quận O, Thành phố Hồ*

*Chí Minh từ 08/2018 đến nay, chuyển đi đâu không rõ*”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng người bị kiện không có địa chỉ hoạt động ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ hoạt động của công ty mà không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ hoạt động mới của công ty làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.

[1.3] *Về tư cách người đại diện hợp pháp của đương sự*: Quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH A có văn bản ủy quyền cho bà B2 làm đại diện (Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ-CVDS ngày 28 tháng 12 năm 2018). Ngày 20/6/2019, Công ty TNHH A có Văn bản ủy quyền số 03/2019/UQ-CPD, nội dung ủy quyền cho bà E làm đại diện để tham gia tố tụng, đồng thời chấm dứt ủy quyền đối với bà B2. Do đó, Tòa án chấp nhận tư cách người đại diện của nguyên đơn đối với bà E.

[1.4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 22 tháng 3 năm 2019, Công ty TNHH A đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L trả lãi từ ngày 23/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng, nhưng tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu trả lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty TNHH A về việc buộc Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L trả tiền lãi; nếu sau này Công ty TNHH A khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Công ty TNHH A không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[1.5] *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình*: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh trụ sở đăng ký hoạt động của bị đơn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và xác minh nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tại thời điểm giao kết Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018, chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đại diện nguyên đơn, thể hiện giữa Công ty TNHH A (sau đây gọi tắt là CPD) và Công ty Công ty Trách nhiệm hữu hạn L (gọi tắt là L) có giao Kết hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018. Theo đó, L bán cho CPD 02 xe ô tô điện 08 chỗ LV TONG LT-A627.6+2 với tổng giá trị hợp đồng là 373.274.000 đồng. Thanh toán làm 02 đợt: Đợt 1 CPD tạm ứng cho L số tiền 140.000.000 đồng sau khi hai bên ký hợp đồng. Đợt 2 CPD thanh toán 100% giá trị còn lại của hợp đồng cho L sau khi hai bên hoàn tất thủ tục bàn giao xe, hồ sơ xe. Tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế các bên thỏa thuận *“Thời hạn bàn giao xe và hồ sơ cho bên A trong vòng 20 – 30 ngày làm việc kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng, nếu có thay đổi bên B phải có thông báo bằng văn bản công văn và các giấy tờ liên quan, thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Địa điểm giao nhận: Tại kho bên A”*. Như vậy, trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về thời gian giao hàng và địa điểm giao hàng.

Thực hiện hợp đồng, CPD đã ứng trước số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng cho L thể hiện bằng Ủy nhiệm chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình vào ngày 02/4/2018. Như vậy, cho thấy nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết trong hợp đồng, điều này cũng đã được bị đơn xác nhận qua việc L đề nghị gia hạn thời gian giao hàng lần lượt vào các ngày 30/5/2018 và 23/6/2018 theo Công văn số 1804/CV-KP ngày 11/5/2018 và số 1804/CV-KP ngày 12/6/2018. Theo đại diện nguyên đơn thì đến ngày 23/6/2018, bị đơn không thực hiện việc giao hàng như đã cam kết, nguyên đơn đã có văn bản yêu cầu bị đơn giao hàng vào ngày 24/6/2018 nhưng bị đơn không phản hồi.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Từ những căn cứ và nhận định trên, có cơ sở khẳng định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo thỏa thuận cam kết của các bên được quy định tại Điều 4; mục 8.2 Điều 8 Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018 và Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 297 Luật Thương mại năm 2005, đến nay bị đơn chưa hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018 và buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền hàng đã nhận 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng là có cơ sở, phù

hợp với quy định tại Điều 312 và Điều 314 Luật Thương mại năm 2005, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền tạm ứng đã nhận một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó cần chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại. Án phí bị đơn phải chịu là 7.000.000đ (Bảy triệu) đồng.

[4.2] Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0037907 ngày 01 tháng 02 năm 2019 và số AA/2018/0038734 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 91; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 398 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24; Điều 34; Điều 35; Điều 37; Điều 297; Điều 312 và Điều 314 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

1.1. Hủy Hợp đồng kinh tế số 19A/2018/HĐKT/KP-CPD ngày 02/4/2018 ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.

1.2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu) đồng. Thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn L trả tiền lãi từ ngày 23/6/2018 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 0.75%/tháng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn A, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu) đồng.

3.2. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn A số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0037907 ngày 01 tháng 02 năm 2019 và số AA/2018/0038734 ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Chính**